

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

Số: 2346/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 2362/UBND-KT ngày 25/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 749/TTr-STNTMT ngày 02/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Tiểu khu bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này. ✓

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật và các kết luận của Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai sót (nếu có).

2. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ (Chủ dự án) có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Chủ tịch UBND thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu; Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Lưu: VT, Biên KT. 15 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

BÍ THƯ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án
Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn,
thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 2316 /QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tiểu khu bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
- Chủ dự án: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ.
- Địa chỉ liên hệ: Tiểu khu bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
- Vị trí địa lý:

Tọa độ các điểm khép góc của dự án

Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 104 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
MB1	2.305.653,64	565.249,68	3,15
MB2	2.305.681,55	565.404,65	
MB3	2.305.679,88	565.420,92	
MB4	2.305.574,24	565.428,27	
MB5	2.305.542,73	565.431,86	
MB6	2.305.470,74	565.286,56	
MB7	2.305.470,74	565.422,60	
MB8	2.305.485,45	565.286,56	
MB9	2.305.500,20	565.256,43	
MB10	2.305.509,08	565.265,26	
MB11	2.305.574,72	565.289,02	
MB12	2.305.579,86	565.252,76	

Tọa độ các điểm khép góc của kho mìn

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 104 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (m ²)
	X (m)	Y (m)	
1'	2.305.423,67	565.268,50	15
2'	2.305.421,68	565.271,68	
3'	2.305.418,26	565.269,33	
4'	2.305.420,44	565.266,24	

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích Dự án là 31.515m², trong đó:
 - + Khai trường khai thác: 20.000m² (diện tích này Chủ dự án đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Sơn La).
 - + Khu vực phụ trợ: 11.515m² (gồm Bãi thải; bãi chứa đá thành phẩm; nhà bảo vệ và bán hàng; kho chứa chất thải nguy hại; kho mìn; kho vật tư và xưởng sửa chữa,...).
- Công suất khai thác là 175.000m³ đá/năm (tương đương 258.125m³ đá thành phẩm/năm).
- Tuổi thọ mỏ: 02 năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác đá bằng khoan nổ mìn, công nghệ chế biến đá bằng nghiền sàng (Sử dụng hệ thống máy nghiền theo nguyên lý nghiền đập văng; hệ thống sàng theo nguyên lý sàng rung).
- Đá thành phẩm gồm: Đá hộc, đá 4x6, đá 2x4, đá 1x2, đá 0,5x1, mặt đá, đá base. Đá thành phẩm được lưu chứa tại khu vực có diện tích 2.952m², tọa độ khu vực bãi chứa thành phẩm như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 - KTT 104 ⁰ múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
BT4	2.305.533,35	565.300,96
BT3	2.305.513,92	565.344,86
4	2.305.501,73	565.372,40
BC1	2.305.476,93	565.366,03
MB8	2.305.485,45	565.286,56

Thực hiện lưu chứa đá thành phẩm trong phạm vi khu vực bãi chứa, không để đá thành phẩm tràn ra khu vực bên ngoài.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

a) Các công trình hiện hữu

- Trạm nghiền công suất 200.000 m³/năm.
- Trạm biến áp 560KVA diện tích 10m².
- Kho mìn diện tích 15m².
- Bãi chứa đá thành phẩm diện tích 2.952m².
- Bãi thải diện tích 2.194 m².

b) Các công trình xây dựng mới

- Nhà bảo vệ và bán hàng diện tích 20m².
- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 9m². *07*

- Kho vật tư và xưởng sửa chữa diện tích 20m².
- Hồ lắng diện tích 128m².
- Rãnh thu nước dài 300m.
- Kè chắn chân bãi thải bằng rọ đá dài 54m.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động khai thác đá vôi gồm khoan nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển đá, nghiền sàng, vận chuyển đá thành phẩm đi tiêu thụ.
- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại Dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án nằm trên địa hình thấp hơn so với khu vực, bao quanh là dãy núi đá vôi. Khu vực dự án không các công trình kiến trúc xây dựng kiên cố, không có các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cần bảo vệ, không có hệ thống ao hồ sông suối, không có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Dự án nằm cách Quốc lộ 6 khoảng 2,0km về phía Đông Bắc theo đường dân sinh, cách tuyến đường vào rừng thông bản Áng 700m, có khoảng 25 hộ dân nằm sát dọc tuyến đường từ khu vực dự án ra tuyến đường vào rừng thông bản Áng. Cách ranh giới dự án khoảng 200m về phía Đông có 01 hộ dân sinh sống, cách ranh giới dự án 300m về phía Đông là Nghĩa trang bản Mòn (*đã đóng cửa*). Đối tượng nhạy cảm có khả năng chịu tác động môi trường từ hoạt động của dự án là người dân nằm sát dọc tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đá ra đường đi rừng thông bản Áng và 02 hộ dân gần khu vực dự án.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình được thực hiện đồng thời với hoạt động khai thác của mỏ. Do đó các tác động môi trường chính của Dự án được đánh giá đồng thời trong giai đoạn vận hành Dự án. Cụ thể như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác, khu vực bãi thải.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của người lao động.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.
- Quá trình nổ mìn, khai thác, vận chuyển đá nguyên khối, đá thải phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động và dân cư xung quanh.
- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.
- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động. ✓

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình được thực hiện đồng thời với hoạt động khai thác của mỏ. Do đó các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh được đánh giá đồng thời trong giai đoạn vận hành, cụ thể như sau:

3.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,72\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần chủ yếu là Chất rắn lơ lửng, BOD_5 , COD, tổng Nitơ, tổng Photpho, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng $7.862,4\text{m}^3/\text{tháng}$. Thành phần nước mưa chảy tràn chủ yếu là TSS, tổng N, tổng P, COD, dầu mỡ...

- Nước vệ sinh dập bụi và tưới đường khoảng $6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

* Khí thải

- Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ trong quá trình thi công dự án (15 ngày); Bụi phát sinh do hoạt động đào đất từ hố lũng, chân bờ kè bãi thải và rãnh thoát nước mưa khoảng $1,46\text{kg}/\text{ngày}$ (15 ngày);

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển sản phẩm tiêu thụ với thành phần chủ yếu là bụi, SO_2 , NO_x , CO,...

- Bụi phát sinh từ hoạt động khoan nổ mìn khoảng $35.020,31 \mu\text{g}/\text{m}^3$ (Nồng độ trung bình 01 giờ/ m^3), từ hoạt động bốc xúc, vận chuyển khoảng $11.540,23 \mu\text{g}/\text{m}^3$ (Nồng độ trung bình 01 giờ/ m^3), từ hoạt động nghiền sàng khoảng $25.317,67 \mu\text{g}/\text{m}^3$ (Nồng độ trung bình 01 giờ/ m^3). Thành phần chủ yếu là Bụi, SO_2 , NO_x , CO,...

- Khí thải từ hoạt động nổ mìn (chủ yếu là khí CO và khí NO_x); Khí thải từ hoạt động của động cơ máy móc trên công trường (CO phát sinh $48.125 \mu\text{g}/\text{m}^3$, SO_2 phát sinh $68.75 \mu\text{g}/\text{m}^3$, NO_2 phát sinh $194,375 \mu\text{g}/\text{m}^3$).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn (đất đá thải) phát sinh khoảng 17.103m^3 .

* Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị xưởng sửa chữa cơ khí khoảng $90\text{kg}/\text{tháng}$, gồm: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Dầu diezen thải; Bao bì cứng thải bằng nhựa; Giẻ lau dầu máy; Vỏ bao bì đựng vật liệu nổ công nghiệp.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn khai thác đá, nghiền sàng đá và từ hoạt động xúc chuyển đá xuống bãi xúc, hoạt động di chuyển của thiết bị.

3.4. Các tác động khác

Các sự cố môi trường có nguy cơ xảy ra trong quá trình hoạt động dự án: Tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố trong công tác khoan nổ mìn, sự cố do thiên tai, đá lở đá lăn, đá văng từ hoạt động nổ mìn, sạt trượt bãi thải, an toàn giao thông. ✓

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Không bố trí nhà ở công nhân trong khu vực dự án (do Chủ dự án sử dụng nguồn lao động là người dân địa phương, hết giờ công nhân về sinh hoạt tại gia đình). Chủ dự án thỏa thuận thuê 01 nhà dân (ông Lò Văn Chích) gần khu vực án (khoảng 150m) làm nhà điều hành, nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại tại khu vực nhà dân trước khi xả thải ra môi trường.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống rãnh thu nước mưa chảy tràn tại khu vực khai trường, trạm nghiền và dọc tuyến đường nội bộ, sau đó chảy vào hố lắng theo hình thức tự chảy, thoát ra khu vực xung quanh theo hướng từ Tây Nam - Đông Bắc. Rãnh thu nước có tổng chiều dài 300m, kích thước: chiều rộng đáy 0,4m, chiều rộng mặt 0,6m, chiều sâu 0,7m. Hố lắng có diện tích 128m² (8x16m), chiều sâu 2,5m. Hố lắng được sử dụng để lưu chứa nước mưa và sử dụng cho hoạt động dập bụi vào mùa khô. Mặt khác, khu vực mong khai thác dạng hố mở có nguy cơ ngập nước vào mùa mưa, bố trí 01 máy bơm công nghiệp công suất 15Kw với lưu lượng 42-144m³/h, kích thước họng hút - xả là 80-65 mm để bơm nước vào rãnh thoát nước thu về Hố lắng trước khi thoát ra bên ngoài.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Vận hành thường xuyên hệ thống đường ống phun sương dập bụi dọc tuyến đường vào mỏ trong thời gian hoạt động của mỏ. Hệ thống gồm đường ống nhựa chiều dài 700m với 60 đầu phun, lưu lượng sử dụng khoảng 2m³/ngày, tần suất tưới 2 lần/ngày (vào ngày hanh nắng).

- Sử dụng hệ thống phun nước dập bụi trong toàn bộ thời gian hoạt động của trạm nghiền sàng: Lượng nước tưới trung bình một ngày là 2m³/ngày (sử dụng máy bơm công suất 25m³/giờ). Hệ thống bao gồm 01 máy bơm dẫn nước để dập bụi ở trước và sau các thiết bị nghiền. Đầu ra các ống dẫn (dài 100m) được nối với vòi hoa sen/bếp (10 bếp trong đó: 1 bếp tại nghiền, 2 bếp sàng, 1 bếp búa và 06 bếp tại các đầu băng tải) để phun nước dập bụi. Bố trí 01 máy bơm tưới ẩm tại khu vực bãi chứa nguyên liệu và chứa đá sạch, tần suất tưới 02 lần/ngày.

- Tiến hành vận chuyển sản phẩm đá đi tiêu thụ và đất đá thải dùng cho hoạt động san lấp trong khoảng thời gian nhất định từ 7h30'-11h30' và 13h30'-17h30' (trường hợp vận chuyển ngoài thời gian trên phải được sự nhất trí của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền), áp dụng các biện pháp để hạn chế tắc đường từ khu vực dự án ra Quốc lộ 6. Tiến hành khắc phục sửa chữa, nâng cấp cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài khu vực dự án (tuyến đường cấp phối đi vào dự án dài khoảng 700m) khi diễn ra hoạt động vận chuyển đất đá thải và nguyên vật liệu ra tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu. *qr*

- Không chuyên chở vượt quá tải trọng của xe, không chuyên chở vượt quá tải trọng cấp đường từ dự án ra Quốc lộ 6; Các xe tải vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ phải có bạt che kín trên thùng xe, sản phẩm trong xe thấp hơn thùng xe ít nhất 10cm; Trồng cây quanh khu vực mỏ và dọc tuyến đường vận chuyển nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi, tạo cảnh quan môi trường.

- Tưới ẩm lên bề mặt các khu vực tập trung nguyên vật liệu, trên các tuyến đường, phương tiện lưu thông đến công trường tần suất 02 lần/ngày hanh khô; Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ.

- Sử dụng phương pháp nổ mìn điện, kích nổ bằng kíp điện vi sai, gồm 02 phương pháp:

+ Phương án 1: Nổ mìn bằng lỗ khoan lớn, $d_k = 105\text{mm}$ áp dụng đối với vị trí có khoảng cách xa các công trình và dân cư. Phương pháp nổ mìn là nổ mìn điện, kết hợp với kíp điện vi sai K8. Thuốc nổ là Anfo thường, lượng thuốc nổ một lần là 191 kg/đợt.

+ Phương án 2: Nổ mìn bằng lỗ khoan nhỏ $d_k = 42\text{mm}$ áp dụng đối với vị trí có khoảng cách gần các công trình và dân cư. Phương pháp nổ mìn là nổ mìn điện, kết hợp với kíp điện vi sai K8. Thuốc nổ là Anfo thường, lượng thuốc nổ một lần là 50 kg/đợt.

Thời gian nổ mìn thực hiện theo mùa: Mùa đông từ 10h00' đến 11h30' và 16h30' đến 18h30'; Mùa hè từ 10h00' đến 11h30' và 17h00' đến 19h00'. Thực hiện nổ mìn định hướng tại khu vực phía Đông khu mỏ (*dọc tuyến giáp với tuyến đường vào mỏ*), hướng nổ mìn là hướng Tây Bắc (*khu vực này có bờ moong đã kết thúc khai thác của mỏ che chắn*).

Thông báo giờ nổ mìn trên phương tiện truyền thanh của xã, bản đề người dân biết. Áp dụng các phương pháp cảnh báo người dân trước khi nổ mìn (*gắn biển cảnh báo, gõ keng cảnh báo, bố trí người kiểm tra khu vực xung quanh khu vực mỏ, bố trí công nhân trực tại đầu đường ra vào cách mỏ 300m, không cho người và phương tiện đi qua trong thời gian nổ mìn,...*)

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ dự án sử dụng nguồn lao động là người dân địa phương, hết giờ công nhân về sinh hoạt tại gia đình nên không bố trí nhà ở công nhân, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ít (*chủ yếu tại nhà điều hành*) và phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định. *✓*

- *Chất thải rắn xây dựng:*

+ Thực hiện việc phân loại chất thải rắn xây dựng. Đất đào bề lũng, rãnh thoát nước mưa được san gạt dọc tuyến đường vận chuyển vào mỏ. Đối với loại chất thải đất đá, gạch vỡ được thu gom, tái sử dụng vào việc san nền.

+ Che chắn các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu để giảm phát sinh chất thải rắn trên đường vận chuyển.

+ Đối với loại chất thải như sắt vụn và bao bì carton được thu gom, tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương.

+ Thu dọn mặt bằng công trường gọn gàng, sạch sẽ, chuyển hết các nguyên nhiên, vật liệu, phế liệu thừa về nơi quy định. Nghiêm cấm việc đổ các chất thải trong quá trình thu dọn ra các khu vực xung quanh và ra môi trường.

- *Đất đá thải:* Khối lượng phát sinh là 17.103m^3 . Được thu gom, lưu chứa trong bãi thải tại chân móng khai thác diện tích 2.194m^2 với khối lượng là 11.116m^3 , chiều cao tầng thải 10m (*toàn bộ lượng đất đá thải này phải được lưu giữ trong bãi thải và sử dụng để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường Dự án*).

Tọa độ khu vực bãi thải

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 - KTT 104 ⁰ múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
BT1	2.305.571,89	565.309,90
5	2.305.567,51	565.341,34
BT2	2.305.527,46	565.360,23
BT3	2.305.513,92	565.344,86
BT4	2.305.533,35	565.300,96

Xây dựng kè chắn chân bãi thải dài 54m, cao 3m, giạt hai cấp kích thước đáy 2m, đỉnh 0,5m. Vật liệu làm kè chắn chân là rọ đá với kích thước $2\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ và $2\text{m} \times 2\text{m} \times 0,5\text{m}$. Rọ thép được mạ kẽm, lưới thép được đan xoắn kép 2 vòng bằng thép mạ kẽm $D=2,7\text{mm}$, mắt lưới $8 \times 10\text{cm}$. Các đầu dây lưới thép được quần chặt vào khung thép định hình 3 vòng. Khung định hình được làm bằng thép mạ kẽm đường kính $D=3,4\text{mm}$, dây buộc liên kết các tấm lưới thép (*vách ngăn, mặt bên, nắp, đáy*) bằng thép mạ kẽm $D=2,1\text{mm}$. Dây thép (*dùng để đan lưới, làm khung định hình và làm dây buộc*) phải đảm bảo được độ bền cơ học, các mối bên không bị tuột. Bố trí rãnh thoát nước tại chân bãi thải với chiều dài 123m, kích thước rãnh thoát hình thang $0,5\text{m} \times 0,4\text{m} \times 0,3\text{m}$. Hướng thoát nước theo hướng thoát chung của khu vực dự án từ Tây Nam sang Đông Bắc và thu về Hồ lũng trước khi thoát ra môi trường ngoài khuôn viên dự án.

Yêu cầu Chủ dự án tổ chức khảo sát, đánh giá các điều kiện địa chất, địa hình trước khi xây dựng kè chắn chân bãi thải để đảm bảo an toàn trong quá trình đổ thải, không để sạt trượt, đổ kè chắn bãi thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố tại bãi thải như sạt lở, đổ kè chắn kè bãi thải, ... gây ảnh hưởng đến tài sản, con người, Chủ dự án chịu trách nhiệm bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình đổ thải, tiến hành đổ thải theo đúng quy trình, không được để đất đá thải tràn ra ngoài phạm vi bãi thải và khu vực dự án. *✓*

Đối với lượng đất đá thải còn lại khoảng 5.987m³, được sử dụng làm vật liệu san lấp cho tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu dài 10 km (*cách dự án 300m*) và các khu vực, dự án có nhu cầu sử dụng đảm bảo đúng các quy định của pháp luật có liên quan (*quy hoạch, đất đai, ...*). Việc sử dụng đất đá thải làm vật liệu san lấp phải thực hiện đầy đủ quy định của Luật khoáng sản năm 2010. Yêu cầu Chủ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển theo đúng quy định của pháp luật.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại diện tích 9m² và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật đảm bảo an toàn cho các công trình xung quanh khu vực mỏ, không nổ mìn vào buổi đêm, trong giờ làm việc hành chính, giờ nghỉ ngơi của người dân.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Thiết lập hành lang an toàn và thực hiện đúng các quy định về an toàn trong quá trình nổ mìn.

- Trường hợp quá trình hoạt động của dự án gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (*như đá văng, sụt, nứt các hạng mục xung quanh*), Chủ dự án có trách nhiệm bồi thường theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. *at*

+ Tuân thủ QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; QCVN 04: 2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án được lựa chọn: ***“Khai trường sau khi kết thúc khai thác tiến hành cải tạo toàn bộ mặt bằng khu vực khai thác, bổ sung đất màu, trồng cây keo lá tràm, xung quanh bờ mở lập biển báo, hàng rào dây thép gai. Mặt bằng khu phụ trợ và chế biến được phá dỡ, san gạt mặt bằng, trồng cây keo lá tràm chuyển đổi mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất”***.

* Khu vực khai trường có diện tích là 20.000m² trong đó: đáy mỏ có diện tích 12.400m², bờ mỏ có diện tích 7.600m².

+ Khu vực sườn tầng (bờ mỏ): Đã được ổn định độ dốc theo trình tự khai thác. Khu vực sườn tầng sau khi kết thúc có cao trình từ +830m đến +890m, vị trí thấp nhất là khu vực phía Đông Bắc của khu vực khai trường gần khu vực cổng vào dự án, vị trí cao nhất là khu vực phía Tây của khu vực khai trường. Tiến hành rà soát cạy bỏ các tầng đá đã mất chân có khả năng gây sạt lở xuống chân tầng. Lập biển báo (04 biển), hàng rào dây thép gai xung quanh moong khai thác với chiều dài 380m.

+ Phần đáy mỏ: Cải tạo diện tích đáy mỏ tại cao trình +830m tương đối bằng phẳng, tiến hành phủ đất san gạt đáy mỏ (đáy mỏ có diện tích 12.400m², với bề dày lớp san lấp là 1,3m tương đương phủ 16.120m³ đất), tạo độ dốc định hướng thoát nước mưa chảy tràn, nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom vào cống thoát nước của dự án gần khu vực cổng và chảy ra ngoài môi trường theo hướng Tây Nam sang Đông Bắc (khu vực khai thác thoải dần theo hướng từ Tây Nam sang Đông Bắc từ cos +890m xuống cos +830m). Lắp đặt cống thoát nước tròn bằng bê tông mác 300, đường kính ống D400 để thoát nước từ đáy mỏ ra rãnh nước gần khu vực cổng vào, tổng chiều dài lắp đặt cống là 35m. Sau khi phủ đất sẽ tiến hành trồng cây keo lá tràm trên toàn bộ diện tích đáy mỏ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất.

* Khu vực phụ trợ có diện tích 11.515m² tại cao trình từ +833m đến +860m.

- Bãi thải: Tiến hành vận chuyển 11.116m³ đất đang được lưu giữ tại khu vực bãi thải để sử dụng san gạt khu vực đáy moong khai thác. Đồng thời tiến hành phá dỡ bờ kè bãi thải và vận chuyển khối lượng bờ kè bãi thải đổ vào khu vực đáy moong khai thác. Tiến hành san gạt bãi thải và trồng cây keo lá tràm.

- Các hạng mục công trình khu vực phụ trợ: Trạm nghiền sàng, trạm biến áp, kho mìn, nhà xưởng và kho vật tư, kho chứa chất thải nguy hại, nhà bảo vệ, bán hàng,... được tháo dỡ toàn bộ, tiến hành san gạt và trồng cây keo lá tràm. //

- Đối với khu vực hồ lắng: Tiến hành lấp hồ lắng đến bằng cote địa hình với khối lượng $250m^3$, sau đó trồng cây keo lá tràm.

- Nạo vét rãnh thu nước với chiều dài 300m, chiều rộng mặt mương là 0,6m, chiều rộng mặt đáy mương là 0,4m, độ sâu của mương là 0,7m, khối lượng nạo vét rãnh là $105m^3$.

- Toàn bộ khu phụ trợ với diện tích $11.515m^2$ được tiến hành san gạt, tạo mặt bằng (với chiều dày san gạt là 0,2m tương đương $2.303m^3$) và trồng cây Keo lá tràm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất và bàn giao cho địa phương quản lý. Để đảm bảo việc trồng cây, sẽ tiến hành mua đất màu vun xới vào mỗi hố trồng cây, tổng khối lượng mua đất màu để vun xới khu vực phụ trợ là $230,25m^3$ (Kích thước mỗi hố là $50 \times 50 \times 50cm$, thể tích mỗi hố là $0,125m^3$, mật độ trồng là 1.600 cây/1 ha.).

- Đối với tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra tuyến đường liên bản trong quá trình khai thác, hàng năm Chủ dự án thực hiện công tác duy tu, cải tạo thường xuyên, do đó không tiến hành cải tạo lại tuyến đường này.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	CẢI TẠO KHU VỰC KHAI TRƯỜNG		
1	Phá đá treo	m^3	16,6
2	Mua đất san gạt	m^3	5.004
3	Đào xúc đất san lấp đáy moong	m^3	11.116
4	Làm biển báo kích thước 0,6 x 0,6m	Kg	10,1
5	Cột đỡ biển báo dài 1,5m (Cột sắt D60 dài 1,5m)	Kg	12,12
6	Lắp đặt biển báo	Cái	4
7	Lập hàng rào dây thép gai	m^2	380
8	Cột sắt V40 x 40 x 2 li dài 1,7m	Kg	104,5
9	San đất	m^3	16.120
10	Trồng cây	m^2	12.400
II	CẢI TẠO KHU VỰC PHỤ TRỢ		
1	Kho chứa chất thải nguy hại	m^2	9
	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	m^2	10,2
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,02
	Phá dỡ kết cấu gạch đá, phá dỡ tường gạch	m^3	5,80
	Phá dỡ nền xi măng không cốt thép, thủ công	m^2	9
2	Kho vật tư, xưởng sửa chữa	m^2	20
	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	m^2	21,84
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,09
	Phá dỡ nền xi măng không cốt thép, thủ công	m^2	20
3	Nhà bảo vệ + bán hàng	m^2	20
	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	m^2	21,84

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,04
	Phá dỡ kết cấu gạch đá, phá dỡ tường gạch	m ³	6,8
	Phá dỡ nền xi măng không cốt thép, thủ công	m ²	20
4	Kho mìn	m ²	15
	Phá dỡ kết cấu gạch đá, phá dỡ tường gạch	m ³	9,40
	Phá dỡ nền xi măng không cốt thép, thủ công	m ²	15,00
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Tấn	0,03
5	Trạm biến áp	Công	10
6	Tháo dỡ hệ thống máy nghiền sàng	Tấn	30
7	San gạt mặt bằng khu phụ trợ	m ³	2.303
8	Trồng cây	m ²	11.515
9	Mua đất đổ hồ trồng cây	m ³	230,25
10	Mua đất lấp hồ lắng	m ³	250
11	Nạo vét mương thu nước	m ³	105
12	Mua Cổng tròn D400	m	35
13	Lắp đặt Cổng tròn D400	m	35
14	Đo vẽ địa hình trên cạn; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp địa hình III	m ²	31.515
15	Phá dỡ và vận chuyển bờ kè bãi thải	Công	30
III Khu vực xung quanh khu vực thực hiện dự án			
1	Di chuyển máy móc về kho chứa	Công	15

b) Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Cải tạo khai trường khai thác			426.978.931	Tháng 10/2024	Tháng 03/2025
1	Phá đá treo	16,6 m ³	11.162.458/100m ³	1.852.968		
2	Mua đất màu	5.004 m ³	49.000/1m ³	245.196.000		
3	Đào xúc đất (San lấp đáy moong)	11.116 m ³	846.410/100m ³	94.086.936		
4	Làm biển báo kích thước 0,6 x 0,6m	10,1 kg	21.850/1kg	219.957		
5	Cột đỡ biển báo dài 1,5m (Cột sắt D60 dài 1,5m)	12,12 kg	25.083/1kg	304.006		
6	Lắp đặt biển báo	4 cái	225.308/1Cái	901.232		
7	Lập hàng rào dây thép gai	380 m ²	36.135/1m ²	13.731.300		
8	Cột sắt V40 x 40 x 2 li dài 1,7m	130,6 kg	21.650/1kg	2.828.031		
9	San đất màu	16.120 m ³	128.008/100m ³	20.634.890		
10	Trồng cây	12.400 m ²	38.083.558/1ha	47.223.612		

II	Cải tạo khu vực phụ trợ			162.942.912		
1	Kho chứa chất thải nguy hại	9 m ²	-	1.579.226	Tháng 10/2024	Tháng 03/2025
2	Kho vật tư, xưởng sửa chữa	20 m ²	-	324.714		
3	Nhà bảo vệ và bán hàng	20 m ²	-	1.973.384		
4	Kho mìn	15 m ²	-	2.473.407		
5	Trạm biến áp	10 công	243.750/1 công	1.218.750		
6	Tháo dỡ hệ thống nghiền sàng	30 tấn	1.118.000/1tấn	33.540.000		
7	San gạt khu phụ trợ	2.303 m ³	1.172.943/100m ³	1.474.012		
8	Trồng cây	11.515 m ²	38.083.558/1ha	43.853.217		
9	Mua đất lấp hố lãg	250 m ³	49.000/1m ³	12.250.000		
10	Nạo vét mương thu nước	105 m ³	1.701.996/100m ³	1.787.096		
11	Mua Cống bê tông xi măng tròn D400	35 m	489.321/m	17.126.235		
12	Lắp đặt cống	5 công	243.750/1công	1.218.750		
13	Phá dỡ và vận chuyển bờ kè	30 công	243.750/1công	7.312.500		
14	Mua đất đổ hố trồng cây	230,25 m ³	49.000/1m ³	11.282.250		
III	Khu vực xung quanh khu vực thực hiện dự án			7.312.500		
1	Di chuyển máy móc về kho chứa	15 công	243.750 / 1 công	3.656.250	Tháng 04/2025	Tháng 05/2025
IV	Đo vẽ địa hình khi kết thúc	31.515 m²	29.580.270 / 100 ha	932.222	Tháng 06/2025	Hết tháng 06/2025

c) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **771.889.086 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi một triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ là 02 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ, cụ thể: 192.972.271 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng).

- Số tiền ký quỹ lần hai: 578.916.814 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm mười sáu nghìn, tám trăm mười bốn đồng).

Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Thời điểm ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. 

+ Thời điểm ký quỹ lần thứ hai: Phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường, an toàn lao động, phòng chống nổ mìn đá văng trong quá trình hoạt động của mỏ (*đặc biệt là sự cố sạt lở bờ mỏ, đá lăn, sạt lở bãi thải, sự cố rò rỉ, cháy nổ, sét, thiên tai, bão lũ, đá văng tới các hộ dân và đối tượng xung quanh*).

- Lập kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy: trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp; Thực hiện công tác quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

* Giám sát sạt lở, sụt lún

Thực hiện thường xuyên trong giai đoạn khai thác, đặc biệt trước mùa mưa lũ. Nội dung chính là rà soát, đánh giá và gia cố các khu vực có nguy cơ trượt lở, sạt lở để tiến hành các biện pháp xử lý thích hợp nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình lao động. Tần suất tối thiểu 06 tháng/lần.

* Giám sát phòng chống đá đổ, lăn

Khai thác đúng theo đúng quy trình. Tại những nơi nguy hiểm phải có các biển báo để đề phòng đá lở và lăn trên các sườn dốc xuống. Sau mỗi đợt nổ mìn kiểm tra lại khu vực nổ mìn để tháo dỡ các khối đá mất chân, đảm bảo an toàn cho công nhân trong công tác khai thác.

* *Giám sát hệ thống thoát nước*: Khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh thu thoát nước; khả năng lưu giữ nước của hồ lắng; khối lượng bùn lắng cặn trong hệ thống thoát nước.

+ Vị trí giám sát: Mương thu thoát nước, hồ lắng.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

* Giám sát an toàn nổ mìn:

+ Vị trí giám sát: Moong khai thác.

+ Tần suất: Theo hoạt động nổ mìn tại mỏ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

6.1. Yêu cầu UBND huyện Mộc Châu

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp với UBND thị trấn Mộc Châu thực hiện công tác giám sát môi trường đối dự án Khai thác diêm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Môn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo đúng quy định. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu. ✓

6.2. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế kỷ có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã cấp có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường và Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04:2009/BCT về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng bãi thải, công tác đổ thải theo đúng thiết kế và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định hiện hành khác.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; 

nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Mộc Châu, UBND thị trấn Mộc Châu trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo*) gửi đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mộc Châu trước ngày 05/01 của năm tiếp theo.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.
